

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1X5/2022/DS-PT

Ngày: 15-4-2022

V/v tranh chấp dân sự
về chia thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28/12 của năm 2021 và các ngày 25/01, 17/02, 08/X, 18/X, 04/4 và 15/4 của năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2021/TLPT- DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp dân sự về chia thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số X05/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1965 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khóm X, phường An T1, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1967 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Khóm XX, phường An Thạnh, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

X. Nguyễn Tấn Thạnh, sinh năm 197X (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người giám hộ cho ông Nguyễn Tấn T:

Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1967 (theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

4. Nguyễn Ngọc Lan, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc Lan, bà Nguyễn Ngọc T1:

Ông Hồ Thanh Hào, sinh năm 198X (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp- Theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2021.

Bị đơn:

1. Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt).

2. Lâm Thị H, sinh năm 197X (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn Đ:

Bà Lâm Thị H, sinh năm 197X- Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2019 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 117, đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 199X (vắng mặt).

2. Nguyễn Tấn H4, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Tấn H4:

Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

X. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 266-2XX, đường Nam Kỳ Khởi N, phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Võ Văn Nghiệp, chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch Hồng N (Theo văn bản ủy quyền số 472/QUQ-CNĐT ngày 12/11/2020 *(có mặt)*).

Địa chỉ: Số 54-56, đường Hùng Vương, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 *(có đơn xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số 170/6, đường An Dương V, phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Tuyết N1, sinh năm 1959 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số 1X7, đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T là các nguyên đơn và ông Nguyễn Tấn Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T có người đại diện theo ủy quyền là anh Hồ Thanh Hà trình bày:

Nguyên cha mẹ bà L, bà T1, bà L, ông T, ông Đ là ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 19XX và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19X7, trước đây cùng ngụ tại ấp An T A2, thị trấn Hồng N, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, Đồng Tháp). Bà N2 chết tháng X/1994, ông P chết tháng 7/1998. Ông P và bà N2 có 05 người con chung: 1/ Nguyễn Ngọc L, 2/ Nguyễn Ngọc T1, 3/ Nguyễn Ngọc L, 4/ Nguyễn Tấn T, 5/ Nguyễn Tấn Đ. Khi ông P và bà N2 chết có để lại tài sản gồm: 01 thửa đất ở đô thị có diện tích 64,2m², thuộc thửa đất số 816, tờ bản đồ số 1X, nguồn gốc đất do ông P và bà N2 mua lại của ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị S vào năm 1971. Đến năm 1972 thì cha mẹ ông bà xây dựng nhà cấp III. Trong quá trình sử dụng tài sản, cha mẹ ông bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng và quyền sở hữu tài sản của chế độ cũ (trước X0/4/1975). Sau khi cha mẹ ông bà mất thì ông Đ, bà L, bà L và ông T tiếp tục ở nhà của cha mẹ ông bà. Đến ngày 01/6/2006, khi phát sinh tranh chấp với bà Nguyễn Hồng X, sinh năm 1954, địa chỉ: Khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp đối với phần đất phía sau của căn nhà trên thì anh chị em ông bà mới thống nhất ủy quyền cho ông Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, chuyển từ tên ông Nguyễn Tấn P sang tên ông Nguyễn Tấn Đ để ông Đ đại diện cho anh chị em trong gia đình tham gia tố tụng trong vụ án liên quan đến bà Xuân, nên từ ngày 01/6/2006 đến ngày 21/6/2016 ông Đ đứng tên quyền sở hữu nhà diện tích 8X,16m² tại số 117 đường

Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2009, ông Đ có sửa chữa căn nhà trên do bê cũ, tường nứt, anh chị em ông bà có hùn tiền để sửa chữa nhà nên mới có hiện trạng như hiện nay. Khi cha mẹ ông bà chết, không có để lại di chúc, chưa phân chia tài sản đất và nhà cho ai hết, nhưng do ông Nguyễn Tấn Đ, bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T vẫn còn sống chung trong nhà của cha mẹ, nên anh chị em thống nhất cho ông Nguyễn Tấn Đ được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà chứ phần tài sản gồm nhà và đất này là tài sản chung.

Nay anh chị em ông bà gồm: Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Tấn T thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hộ ông Nguyễn Tấn Đ, bà Lâm Thị H, chị Nguyễn Ngọc T3 và anh Nguyễn Tấn H4 chia thừa kế tài sản gồm quyền sử dụng đất diện tích theo thẩm định thực tế là 67m² thuộc một phần thửa đất số 2X1, tờ bản đồ số 49 (trước đây là thửa đất số 816, tờ bản đồ 1X) và tổng diện tích phần tài sản gắn liền với đất (nhà) là 1X9,86m² (kể cả phần diện tích nhà chưa được cấp giấy, tại vị trí II: Diện tích tầng 01 là 04m²; Vị trí III: Diện tích tầng 02 là 18,9m²; Vị trí V: Diện tích tầng 02 là XX,8m²) tại số nhà 117 đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp thành 05 phần bằng nhau cho mỗi người được hưởng 01 phần. Bà L, bà T1, bà L, ông T yêu cầu được nhận tài sản, thống nhất trả giá trị tài sản cho ông Đ đối với phần ông Đ được hưởng theo quy định pháp luật. Các nguyên đơn tự nguyện thống nhất giá trị tài sản gồm nhà và đất nói trên theo giá của Hội đồng định giá theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay và thống nhất theo thẩm định thực tế đối với tài sản đang tranh chấp trong vụ án này.

Đối với phần các chị em hùn tiền để ông Đ sửa chữa nhà thì nay bà L, bà T1, bà L, ông T không yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này.

Riêng đối với diện tích 75,8m² thuộc một phần thửa 1170, tờ bản đồ 02 (Tương ứng một phần thửa 724, tờ bản đồ 49), tại khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp thì bà L, bà T1, bà L, ông T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung trong vụ án này.

Việc các anh chị em tự nguyện thỏa thuận phân chia giá trị tài sản mà tài sản hiện đang thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) vì ngoài việc hộ ông Đ có nợ Ngân hàng thì hộ ông Đ còn nợ ông Nguyễn Văn D số tiền khoảng 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), hiện ông D đòi lấy căn nhà và đất để trừ nợ, các nguyên đơn không thống nhất, muốn giữ lại tài sản trên nên yêu cầu chia thừa kế căn nhà và đất nói trên.

Việc hộ ông Đ nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, các nguyên đơn sau này mới biết, thời điểm vay tiền Ngân hàng các nguyên đơn không biết. Việc hộ ông Đ vay tiền của Ngân hàng là do mục đích sử dụng cá

nhân của hộ ông Đ chứ không liên quan gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của các nguyên đơn, nhưng nếu Tòa án giải quyết phần tài sản đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của hộ ông Đ thì khi Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của hộ ông Đ các nguyên đơn cũng thống nhất theo yêu cầu của Ngân hàng.

Bị đơn bà Lâm Thị H và ông Nguyễn Tấn Đ thống nhất trình bày:

Cha mẹ ông bà là ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 19XX và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19X7, trước đây cùng ngụ tại ấp An T A2, thị trấn Hồng N, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, Đồng Tháp). Ông P chết tháng 7/1998, bà N chết tháng X/1994. Ông P và bà N có 05 con chung: 1/ Nguyễn Ngọc L, 2/ Nguyễn Ngọc T1, X/ Nguyễn Ngọc L, 4/ Nguyễn Tấn T, 5/ Nguyễn Tấn Đ. Khi ông P và bà N còn sống có được số tài sản chung gồm một thửa đất ở đô thị có diện tích 64,2m² và một căn nhà xây trên phần đất này từ năm 1972 có diện tích 8X,6m². Khi cha mẹ ông bà chết, không có để lại di chúc, chưa phân chia tài sản đất và nhà cho ai hết.

Phần tài sản gồm nhà và đất thuộc thửa đất số 816, tờ bản đồ số 1X (nay là thửa 2X1, tờ bản đồ 49), tọa lạc tại khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân huyện Hồng N (nay là thành phố Hồng N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn Đ vào ngày 21/8/2006.

Tháng 11/2009, do nhà xuống cấp nên chị em ông bà có hùn tiền để sửa chữa. Ông bà tự nguyện thống nhất giá trị tài sản gồm nhà và đất nói trên theo giá của Hội đồng định giá theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay và thống nhất theo thẩm định thực tế đối với tài sản đang tranh chấp trong vụ án này.

Nay bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu hộ gia đình ông bà chia thừa kế phần tài sản nói trên thì ông bà tự nguyện thống nhất chia thừa kế tài sản theo yêu cầu của các nguyên đơn, để bà L, bà T1, bà L, ông T được nhận tài sản, phần ông bà thống nhất nhận giá trị tài sản đối với phần ông Đ được hưởng theo quy định pháp luật.

Đối với phần các chị em hùn tiền để ông Đ sửa chữa nhà thì nay các nguyên đơn không yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này nên hộ ông Đ không có ý kiến gì.

Riêng đối với diện tích 75,8m² thuộc một phần thửa 1170, tờ bản đồ 02 (Tương ứng một phần thửa 724, tờ bản đồ 49), tại khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, Đồng Tháp nay bà L, bà T1, bà L, ông T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung trong vụ án này, hộ ông Đ cũng thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Việc các anh chị em tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản đang tranh chấp mà hiện tại tài sản đang thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín là vì ngoài việc hộ ông bà có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì hộ ông bà còn nợ ông Nguyễn Văn D số tiền khoảng 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), hiện ông D đòi lấy căn nhà và đất để trừ nợ, các anh chị em của ông bà không thống nhất, muốn giữ lại tài sản trên nên yêu cầu chia thừa kế để sau này cử đại diện đứng ra mua lại căn nhà và đất nói trên.

Gia đình ông bà biết vừa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, vừa thực hiện nghĩa vụ chia thừa kế tài sản cho các anh chị em trong gia đình là ảnh hưởng tới quyền lợi của hộ gia đình ông bà, nhưng ông bà tự nguyện thống nhất với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Riêng phần tài sản đang tranh chấp đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì ông bà đã tự nguyện thống nhất trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng và tự nguyện thống nhất việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của hộ ông bà với Ngân hàng đối với phần diện tích đất và diện tích tài sản gắn liền với đất nói trên theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Ngọc T3 và anh Nguyễn Tấn H4 thống nhất trình bày:

Anh chị tự nguyện thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lâm Thị H, không có bổ sung gì thêm.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – ông Võ Văn Nghiệp trình bày:

Khoản vay của hộ ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lâm Thị H theo Hợp đồng tín dụng số LD1816500X50 ký kết vào ngày 14/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lâm Thị H vốn và lãi tính đến ngày 14/02/2019 là 9XX.X81.250 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã tiến hành khởi kiện tại Tòa án, đến ngày 22/02/2019 Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã nộp Đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng N. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu Tòa án giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng N, Đồng Tháp.

Đối với phần tài sản mà các đương sự yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này (kể cả phần diện tích nhà chưa được cấp giấy, tại vị trí II: Diện tích tầng 1 là 4m²; Vị trí III: Diện tích tầng 2 là 18,9m²; Vị trí V: Diện tích tầng 2 là XX,8m²) đang thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của hộ ông Đ đối với Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không thống nhất việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận chia thừa kế tài sản đang thế chấp để cử người đại diện đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nói trên trong khi hộ ông Nguyễn Tấn Đ chưa trả dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Việc thỏa thuận giá tài sản đang tranh chấp là việc của các đương sự trong vụ án này, phía Ngân hàng không có ý kiến gì thêm. Nếu trường hợp sau này hộ ông Nguyễn Tấn Đ không có đủ khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng mà phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng sẽ yêu cầu Thi hành án thẩm định giá tài sản tại thời điểm thi hành án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D có đơn xin vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày:

Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông với hộ ông Nguyễn Tấn Đ đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết xong và Bản án đã có hiệu lực pháp luật vào năm 2016, ông đã có đơn yêu cầu thi hành án nhưng do tài sản yêu cầu thi hành án còn đang tranh chấp nên hiện nay đang hoãn thi hành án. Về yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà L, bà L, bà T1, ông T đối với hộ ông Đ trong vụ án này ông D không có ý kiến gì. Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án trên tinh thần thượng tôn pháp luật, ông tôn trọng phán quyết của Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tuyết N1 có đơn xin vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày:

Đối với diện tích 75,8m² thuộc một phần thửa 1170, tờ bản đồ số 02 (Tương ứng một phần thửa 724, tờ bản đồ 49), tại khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp là của cha bà N1 là ông Nguyễn Văn Tuổi sau khi chết để lại cho bà Nguyễn Tuyết N1 đứng tên. Do điều kiện gia đình nên nay hộ gia đình bà N1 chưa yêu cầu, chưa tranh chấp với hộ ông Đ và anh chị em ông Đ trong vụ án này. Sau này nếu có yêu cầu bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 612, 61X, 618, 62X, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 20X Luật Đất đai; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều X5, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271 và Điều 27X của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết X26/2016/UBTVQH14 ngày X0/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T.

Hộ ông Nguyễn Tấn Đ (Gồm: ông Nguyễn Tấn Đ, bà Lâm Thị H, chị Nguyễn Ngọc T3 và anh Nguyễn Tấn H4) có nghĩa vụ chia thừa kế giá trị tài sản cho bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T mỗi người được hưởng là 195.600.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Phần của ông Nguyễn Tấn Đ được hưởng thừa kế với giá trị tài sản là 521.600.000đ (Năm trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hộ ông Nguyễn Tấn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 67m² (Trong đó, diện tích 64,2m², thuộc thửa đất số 816, Tờ bản đồ 1X, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn Đ và diện tích 2,8m² thuộc một phần thửa đất số 1181, Tờ bản đồ 14, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất diện tích theo thẩm định thực tế là 1X9,86m² (Trong đó, diện tích được cấp giấy là 8X,16m² và diện tích chưa được cấp giấy tại vị trí II: Diện tích tầng 01 là 04m²; Vị trí III: Diện tích tầng 02 là 18,9m²; Vị trí V: Diện tích tầng 02 là XX,8m²), nhà cấp IV, xây dựng năm 1972, tại số 117 đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể như sau:

- Về đất:

+ Chiều N1ng 01 cạnh từ mốc 0X qua mốc 04, giáp đường thiên Hộ Dương là 4,2m.

+ Chiều ngang 01 cạnh từ mốc 1X qua mốc 06, giáp phần đất còn lại không tranh chấp hiện ông Đ đang sử dụng là 4,2m.

+ Chiều dài 01 cạnh từ mốc 0X qua mốc 02 là 15,X0m và từ mốc 02 qua mốc 01 là 0,65m, giáp với bà Đỗ Thị Kim X, tổng cộng là 15,95m.

+ Chiều dài 01 cạnh từ mốc 04 đến mốc 05 là 15,X0m và từ mốc 05 qua mốc 06 là 0,65m, giáp ông Võ Văn T, tổng cộng là 15,95m.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 27/01/2019 và Mảnh trích đo địa chính số 01 – 2019, ngày 29/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã – nay là thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp).

- Về tài sản gắn liền trên đất:

+ Căn nhà cấp IV, xây dựng năm 1972, Tổng diện tích sàn theo thẩm định thực tế: 1X9,86m² (Trong đó, diện tích được cấp giấy là 8X,16m² và diện tích chưa được cấp giấy tại vị trí II: Diện tích tầng 01 là 04m²; Vị trí III: Diện tích tầng 02 là 18,9m²; Vị trí V: Diện tích tầng 02 là XX,8m²), có kết cấu cụ thể theo biên bản thẩm định ngày 27/01/2019 và Mảnh trích đo địa chính số 01 – 2019, ngày 29/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Hồng N, Đồng Tháp.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T đối với diện tích 75,8m² thuộc một phần thửa 1170, tờ bản đồ 02 (Tương ứng một phần thửa 724, tờ bản đồ 49), tại khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, Đồng Tháp.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

X. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Tấn T là người tàn tật nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết X26/2016/UBTVQH14 ngày X0 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L mỗi người chịu 9.780.000đ (Chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp của mỗi người là 5.000.000 đồng theo các biên lai số 002769, 002768, 002767 cùng ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng N và 2.750.000 đồng theo các biên lai số 08844, 08845, 08846 cùng ngày 1X/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng N. Vậy bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L mỗi người còn phải nộp thêm 2.0X0.000đ (Hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần mỗi người được hưởng tài sản.

+ Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 24.864.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ông Đ được hưởng tài sản.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 6.9XX.000 đồng, hộ ông Nguyễn Tấn Đ chịu 40% của tổng chi phí tố tụng bằng 2.77X.000đ (Hai triệu

bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) để trả lại bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T đã tạm ứng trước và đã chi xong. Phần tạm ứng chi phí tố tụng dư ra bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T được nhận lại 1.067.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Bà L, bà T1, bà L, ông T đã nhận lại xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2021 các nguyên đơn Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Tấn T và bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung Bản án sơ thẩm theo hướng cho các nguyên đơn nhận phần đất diện tích theo đo Đ thực tế 67m² thuộc thửa đất 2X1, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại số 117 đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Bà L, bà T1, bà L và ông T đồng ý trả giá trị suất thừa kế theo quy định của pháp luật cho ông Đ. Ông Nguyễn Tấn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm theo hướng cho ông Đ được nhận giá trị di sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật. Ông Đ đồng ý giao toàn bộ di sản cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là anh Hồ Thanh Hào vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, cho các nguyên đơn được nhận phần đất thừa kế có diện tích theo đo đạc thực tế là 67m² thuộc thửa đất 2X1, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại số 117 đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Các nguyên đơn bà L, bà T1, bà L và ông T đồng ý trả giá trị suất thừa kế theo quy định pháp luật cho ông Đ. Anh Hào trình bày trong quá trình xét xử phúc thẩm thì bên phía nguyên đơn đã trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín thay cho phía bị đơn được 800.000.000 đồng nợ gốc, còn lại một phần nợ gốc và nợ lãi chưa trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bên bị đơn có bà Lâm Thị H đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm theo hướng cho ông Đ được nhận giá trị di sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật. Ông Đ đồng ý giao toàn bộ di sản cho các nguyên đơn.

Về tổng giá trị tài sản của đất và nhà được xác định là 1.X04.000.000 đồng, thì nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất. Về cách chia theo Bản án sơ

thẩm là bị đơn Nguyễn Tấn Đ được hưởng 40% của tổng tài sản, còn các nguyên đơn Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Tấn T được hưởng 60% của tổng tài sản và chia đều nhau, thì các nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất với cách chia này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn Nghiệp đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín phát biểu thừa nhận trong quá trình xét xử phúc thẩm thì bên phía nguyên đơn đã thay mặt cho bị đơn trả nợ cho Ngân hàng được 800.000.000 đồng nợ gốc, còn lại nợ gốc chưa trả là 100.000.000 đồng và còn nợ lãi trên 500.000.000 đồng. Ngân hàng tiếp tục yêu cầu bên phía bị đơn trả phần nợ gốc và lãi còn lại của khoản nợ được ghi nhận tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vào ngày 17/01/2022 ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có gửi Bản tự khai đến Tòa án, nội dung Bản tự khai thể hiện tại Bản án dân sự phúc thẩm số 9X/2016/DS-PT ngày 04/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã buộc ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lâm Thị H liên đới trả cho ông D tổng số tiền vay gốc, lãi là 597.779.2X6 đồng. Khi bản án này có hiệu lực thì ông D đã làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng đến nay chưa được thi hành phần nào. Ông D thống nhất với quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp về giải quyết tranh chấp thừa kế giữa các nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Tấn Đ, bà Lâm Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến cho rằng về tố tụng thì từ khi thụ lý, giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm, đến trước thời điểm nghị án thì Thẩm phán đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa thì Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung, Kiểm sát viên nhận định: Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là nhà và đất các bên đã thống nhất chia theo quy định của pháp luật là mỗi người 1/5, đây là sự tự nguyện phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận chia bà L, bà L, bà T1, ông T 60% giá trị tài sản, chia cho ông Đ 40% giá trị tài sản là tước quyền định đoạt của đương sự, căn cứ xác định căn nhà do ông Đ tôn tạo làm tăng giá trị để được chia 40% giá trị đất và nhà cũng chưa có cơ sở. Mặc dù nhà đất đang được thế chấp cho Ngân hàng nhưng việc thỏa thuận này cũng không ảnh hưởng đến việc

thế chấp, nếu hợp đồng thế chấp hợp pháp thì ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng trước, phần còn lại hoặc tài sản khác của ông Đ, bà H sẽ thi hành án cho bà L, bà L, bà T1, ông T. Kiểm sát viên còn cho rằng: Ngân hàng yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp là hợp pháp, nếu bên hộ ông Đ không trả nợ thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi nhà đất thanh toán cho Ngân hàng, việc các bên thỏa thuận thống nhất chia giá trị cho ông Đ là không đồng ý. Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ ông Đ, theo cơ quan chuyên môn xác định tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Đ gồm có: Bà L, ông T, ông Đ là bà H và 02 con ông Đ là chị T3, anh H4 (khi cấp quyền sử dụng đất anh H4 còn nhỏ và xác định không có quyền gì), còn quyền sở hữu nhà là cấp cho cá nhân ông Đ. Nhà đất này do ông Đ, ông T, bà L, bà L cùng sử dụng chung từ trước đến nay và theo cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng N thì việc cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Tấn Đ là thuộc trường hợp được cấp lần đầu, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/6/2006, về nguồn gốc theo đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đ, ông Đ khai về nguồn gốc đất là “Cha mẹ sử dụng vào năm 1971 đến ngày 24/7/1998 qua đời để lại”. Do đó, đối với quyền sử dụng đất được xác định cấp cho hộ gồm: Bà L, ông T, ông Đ, bà H nhưng khi ký hợp đồng thế chấp chỉ có ông Đ, bà H và chị T3 ký nên Kiểm sát viên cho rằng hợp đồng thế chấp vô hiệu một phần đối với phần bà L, ông T và xét về lỗi thì Ngân hàng có lỗi một phần trong việc xác minh tài sản cấp cho hộ và nhà có những ai đang ở nhưng không có ý kiến của những người này là bà L, ông T, bà L. Vì vậy hợp đồng thế chấp chỉ có giá trị phần tài sản của ông Đ, bà H (2/4 quyền sử dụng đất) để thi hành án trả nợ Ngân hàng. Đối với quyền sở hữu nhà là tài sản gắn liền với đất cấp ngày 21/8/2006 cho cá nhân ông Đ nên hợp đồng thế chấp đối với căn nhà là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hồ Thanh Hào đại diện theo ủy quyền của bà L, bà L, bà T1, ông T đồng ý cách chia theo Bản án sơ thẩm là bà L, bà L, bà T1, ông T 60% giá trị tài sản, ông Đ 40% giá trị tài sản nhưng giữ nguyên yêu cầu được nhận tài sản là nhà đất. Đối với khoản nợ ông Đ, bà H nợ Ngân hàng vốn 900.000.000 đồng và lãi 544.000.000 đồng bên bà L, bà L, bà T1, ông T thống nhất thỏa thuận với ông Đ, bà H và Ngân hàng là bên bà L, bà L, bà T1, ông T sẽ đảm bảo trả khoản nợ này để nhận nhà đất đang thế chấp và bên bà L, bà L, bà T1, ông T đã trả vốn cho Ngân hàng được 800.000.000 đồng, còn lại vốn 100.000.000 đồng và lãi trên 544.000.000 đồng thỏa thuận trong 0X tuần sẽ trả xong, nếu không trả bên bà L, bà L, bà T1, ông T đồng ý để nhà đất đảm bảo cho Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ. Kiểm sát viên cho rằng việc thỏa thuận giữa bên bà L, bà L, bà T1, ông T và ông Đ, bà H và Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại Điều X70 Bộ luật Dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ nên chấp nhận. Việc thỏa thuận này cũng có lợi cho phía Ngân hàng vì theo Bản án sơ thẩm thì 40% giá trị tài sản ông Đ được hưởng chỉ tương đương 521.600.000 đồng (tổng giá trị tài sản chia

thừa kế là 1.X04.000.000 đồng) và đảm bảo cho bà L, bà L, ông T ổn định chỗ ở, nhất là ông T là người mất năng lực hành vi dân sự không còn chỗ ở nào khác ngoài căn nhà và đất đang tranh chấp. Kiểm sát viên cho rằng đối với việc ông Đ, bà H phải thi hành án cho ông Nguyễn Văn D số tiền 597.779.2X6 đồng nhưng giá trị tài sản ông Đ được chia ít hơn số tiền ông Đ, bà H phải liên đới trả cho Ngân hàng nên không còn để đảm bảo việc thi hành án cho ông D, do đó việc thỏa thuận giao nhà đất cho bên bà L, bà L, bà T1, ông T sau khi trả nợ cho Ngân hàng xong là phù hợp quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D về yêu cầu thi hành án. Từ những phát biểu trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét thấy, đơn kháng cáo của các nguyên đơn Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Tấn T và bị đơn Nguyễn Tấn Đ còn trong hạn luật định, đúng trình tự, thủ tục nên chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng thỏa thuận này ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân thành phố Hồng N thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp dân sự về chia thừa kế tài sản” là phù hợp với quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều X5; các điểm a, c khoản 1 Điều X9 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định các nguyên đơn Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc L và bị đơn Nguyễn Tấn Đ đều là con chung của cụ Nguyễn Tấn Phát, sinh năm 19XX và cụ Nguyễn Thị Ngon, sinh năm 19X7. Cụ Ngon chết vào tháng X năm 1994, cụ Phát chết vào tháng 7 năm 1998. Phần di sản của cụ Phát và cụ Ngon để lại mà nguyên đơn, bị đơn tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế là phần

đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 67m² (Trong đó: Diện tích 64,2m² thuộc thửa đất số 816, tờ Bản đồ số 1X được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn Đ và diện tích 2,8m² thuộc một phần thửa đất số 1181, tờ bản đồ số 14 chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất) và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất có diện tích theo thẩm định thực tế là 1X9,86m² (Trong đó: Diện tích được cấp giấy là 8X,16m² và diện tích chưa được cấp giấy: Tại vị trí II gồm diện tích tầng 1 là 4m²; vị trí III gồm diện tích tầng 2 là 18,9m²; vị trí V gồm diện tích tầng 2 là XX,8m²), nhà cấp IV, xây dựng năm 1972 tại số 117 đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Giá trị toàn bộ tài sản gồm đất và nhà được các bên đương sự thống nhất là 1.X04.000.000 đồng.

[2.2] Các nguyên đơn Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Tấn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế cho các nguyên đơn được nhận phần di sản do cha mẹ để lại bằng hiện vật, các nguyên đơn sẽ trả giá trị cho bên bị đơn. Bị đơn Nguyễn Tấn Đ kháng cáo cũng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế cho ông Đ nhận giá trị bằng suất thừa kế mà ông Đ được hưởng, ông Đ đồng ý giao cho các nguyên đơn nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Về cách chia theo Bản án sơ thẩm là bị đơn Nguyễn Tấn Đ được hưởng 40% của tổng tài sản, còn các nguyên đơn Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Tấn T được hưởng 60% của tổng tài sản và chia đều nhau thì các nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất với cách chia này.

[2.X] Như vậy, qua nội dung kháng cáo của các nguyên đơn và bị đơn đã thể hiện được nguyên đơn và bị đơn thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Vào ngày 14/6/2018, hộ ông Nguyễn Tấn Đ có ký Hợp đồng tín dụng số LD 1816500X50 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) để vay 900.000.000 đồng và cùng ngày 14/6/2018 hộ ông Đ ký Hợp đồng thế chấp số 1816500X50 để thế chấp tài sản đang tranh chấp nêu trên cho Ngân hàng. Hộ ông Đ không trả được nợ đến hạn nên Sacombank khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng đến Tòa án nhân dân thành phố Hồng N. Đến ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hồng N đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM với nội dung ông Nguyễn Tấn Đ, bà Lâm Thị H, chị Nguyễn Ngọc T3 và anh Nguyễn Tấn H4 tự nguyện thống nhất liên đới trả nợ vay cho Sacombank tổng số tiền tính đến ngày 14/02/2019 là 9XX.X81.250 đồng. Ông Nguyễn Tấn Đ, bà Lâm Thị H, chị Nguyễn Ngọc T3 và anh Nguyễn Tấn H4 cùng tự nguyện thống nhất để Sacombank yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng N xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 1816500X50 ngày 14/6/2018 khi hộ ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Sacombank.

[2.4] Tại Thông báo số 227/TB-VCX-KDTM-V4 ngày 2X/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận về việc không kháng nghị đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp, nội dung của Thông báo nói trên có nhận định: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là hợp pháp; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N là đúng quy định của pháp luật; tài sản thi hành án là nhà, đất thế chấp cũng chưa thi hành được vì chờ kết quả giải quyết vụ án thừa kế, trường hợp được chia thì ông Đ có trách nhiệm trả các đồng thừa kế phần giá trị được hưởng mà không thể chia nhà thành từng phần để giao cho các đồng thừa kế. Như vậy, nếu chấp nhận quan điểm của bên nguyên đơn và bên bị đơn để chia thừa kế cho các nguyên đơn được hưởng di sản bằng hiện vật là nhà và đất, còn chia cho bên bị đơn được hưởng thừa kế bằng giá trị, thì sẽ xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Sacombank vì bị đơn sẽ không còn tài sản để thi hành án cho Sacombank. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử có tạo điều kiện để các nguyên đơn, bị đơn và Sacombank thỏa thuận để nguyên đơn trả nợ thay cho bị đơn, nhưng nguyên đơn chỉ trả cho Sacombank được 800.000.000 đồng nợ gốc, còn lại nợ gốc chưa trả là 100.000.000 đồng và còn nợ lãi trên 500.000.000 đồng. Ngân hàng tiếp tục yêu cầu bên phía bị đơn trả phần nợ gốc và lãi còn lại. Như vậy, nghĩa vụ thi hành án của bị đơn đối với Sacombank vẫn còn phải được thực hiện. Do đó không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn và bị đơn.

[2.5] Bên cạnh đó, căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số 9X/2016/DS-PT ngày 04/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lâm Thị H còn phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D tổng số tiền vay gốc, lãi là 597.779.2X6 đồng. Ông D đã làm đơn yêu cầu thi hành án, ngày 20/5/2016 Chi cục Thi hành án thị xã (nay là thành phố) Hồng N ra Quyết định thi hành án số 405/QĐ-CCTHADS (chưa kê biên tài sản). Do đó việc chia thừa kế cho bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ, bà Lâm Thị H nhận di sản bằng hiện vật, chia cho các nguyên đơn nhận giá trị sẽ tạo cơ sở để đảm bảo cho việc thi hành Bản án số 9X/2016/DS-PT nói trên. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử là có căn cứ pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[2.7] Xét thấy đề nghị sửa Bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên là không có cơ sở chấp nhận, lý do đã được phân tích ở các phần trên.

[2.8] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.9] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn và bị đơn nên bà L, bà T1, bà L và ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Tấn T là người tàn tật nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 điều 26, khoản 1 Điều X9, khoản 1 điều X08 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 612, 61X, 618, 62X, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 166 và khoản 1 Điều 20X Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số X26/2016/UBTVQH14 ngày X0/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ.

X. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T.

Hộ ông Nguyễn Tấn Đ (Gồm: ông Nguyễn Tấn Đ, bà Lâm Thị H, chị Nguyễn Ngọc T3 và anh Nguyễn Tấn H4) có nghĩa vụ chia thừa kế giá trị tài sản cho bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T mỗi người được hưởng là 195.600.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*). Phần của ông Nguyễn Tấn Đ được hưởng thừa kế với giá trị tài sản là 521.600.000 đồng (*Năm trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Hộ ông Nguyễn Tấn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 67m² (Trong đó, diện tích 64,2m², thuộc thửa đất số 816, TĐĐ 1X, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn Đ và diện tích 2,8m² thuộc một phần thửa đất số 1181, TĐĐ 14, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất diện tích theo thẩm định thực tế là 1X9,86m² (Trong đó, diện tích được cấp giấy là 8X,16m² và diện

tích chưa được cấp giấy tại vị trí II: Diện tích tầng 1 là $4m^2$; Vị trí III: Diện tích tầng 2 là $18,9m^2$; Vị trí V: Diện tích tầng 2 là $XX,8m^2$), nhà cấp IV, xây dựng năm 1972, tại số 117 đường Thiên Hộ Dương, khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể như sau:

- Về đất:

+ Chiều ngang một cạnh từ mốc X qua mốc 4, giáp đường Thiên Hộ Dương là 4,2m.

+ Chiều ngang một cạnh từ mốc 1X qua mốc 6, giáp phần đất còn lại không tranh chấp hiện ông Đ đang sử dụng là 4,2m.

+ Chiều dài một cạnh từ mốc X qua mốc 2 là 15,X0m và từ mốc 2 qua mốc 1 là 0,65m, giáp với đất bà Đỗ Thị Kim X, tổng cộng là 15,95m.

+ Chiều dài một cạnh từ mốc 4 đến mốc 5 là 15,X0m và từ mốc 5 qua mốc 6 là 0,65m, giáp ông Võ Văn T, tổng cộng là 15,95m.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 27/01/2019 và Mảnh trích đo địa chính số 01 – 2019, ngày 29/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã – nay là thành phố Hồng N, Đồng Tháp).

- Về tài sản gắn liền trên đất:

+ Căn nhà cấp IV, xây dựng năm 1972, Tổng diện tích sàn theo thẩm định thực tế: $1X9,86m^2$ (Trong đó, diện tích được cấp giấy là $8X,16m^2$ và diện tích chưa được cấp giấy tại vị trí II: Diện tích tầng 1 là $4m^2$; Vị trí III: Diện tích tầng 2 là $18,9m^2$; Vị trí V: Diện tích tầng 2 là $XX,8m^2$), có kết cấu cụ thể theo biên bản thẩm định ngày 27/01/2019 và Mảnh trích đo địa chính số 01 – 2019, ngày 29/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Hồng N, Đồng Tháp.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Tấn T đối với diện tích $75,8m^2$ thuộc một phần thửa 1170, tờ bản đồ 02 (Tương ứng một phần thửa 724, tờ bản đồ 49), tại khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, Đồng Tháp.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

X. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Tấn T là người tàn tật nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết X26/2016/UBTVQH14 ngày X0 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L mỗi người chịu 9.780.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp của mỗi người là 5.000.000 đồng theo các biên lai thu số 002769, 002768, 002767 cùng ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng N và 2.750.000 đồng theo các biên lai thu số 08844, 08845, 08846 cùng ngày 1X/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng N. Vậy bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L mỗi người còn phải nộp thêm 2.0X0.000 đồng (*Hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần mỗi người được hưởng tài sản.

+ Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 24.864.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ông Đ được hưởng tài sản.

+ Bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L mỗi người phải nộp X00.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0008971, 0008972, 000897X cùng ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồng N. Bà L, bà T1, bà L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí phúc thẩm.

+ Ông Nguyễn Tấn Đ phải nộp X00.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008969 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồng N. Ông Đ đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- *Về chi phí tố tụng:*

Tổng chi phí tố tụng phí tố tụng là 6.9XX.000 đồng, hộ ông Nguyễn Tấn Đ chịu 40% của tổng chi phí tố tụng bằng 2.77X.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) để trả lại bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T đã tạm ứng trước và đã chi xong. Phần tạm ứng chi phí tố tụng dư ra bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T được nhận lại 1.067.000 đồng (*Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Bà L, bà T1, bà L, ông T đã nhận lại xong.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều X0 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồng N;
- Chi Cục THA DS TP. Hồng N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh